

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400105091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 07 năm 2019)

Sơn La, tháng 04 năm 2021

Trang 1

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

Trang 2

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giới thiệu chung

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
Tên Tiếng Anh	:	Song Da 7 Joint Stock Company
Tên viết tắt tiếng Anh	:	SONGDA 7.
Trụ sở chính	:	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Văn phòng đại diện	:	Ô 36, V5A, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024.666.80228.
Website	:	songda7.com.vn
Giấy CNĐKKD	:	Số 5400105091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2019
Mã số thuế	:	5400105091
Vốn điều lệ	:	106.000.000.000 (Một trăm linh sáu tỷ đồng)
Mã cổ phiếu	:	SD7

Quá trình hình thành và phát triển

+ Thành lập : Công ty cổ phần Sông Đà 7 tiền thân là Công ty Sông Đà 7- Đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông được thành lập tháng 8 năm 1976 tại Công trường xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Bà - Yên Bái.

+ Chuyển đổi Công ty : Công ty Sông Đà 7 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 7 theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 5400105091 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 25/02/2019.

+ Niêm yết : Công ty cổ phần Sông Đà 7 được Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và chính thức niêm yết trên sàn giao dịch Hà Nội ngày 27/12/2006 đến ngày 25/05/2018 chuyển xuống giao dịch tại sàn Upcom.

+ Các sự kiện khác:

Trang 3

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Từ năm 2002-2006: Công ty tham gia thi công Thủy điện Tuyên Quang có công suất 342 MW là công trình thủy điện lớn thứ 3 miền bắc tại thời điểm đó với tư cách là một trong những đơn vị thi công chính. Các hạng mục công trình do Công ty thi công được chủ đầu tư và tổng thầu đánh giá cao về tiến độ và chất lượng công trình.
- Từ năm 2004-2011: Công ty tham gia thi công 3/6 tổ máy Thủy điện Sơn La có công suất 2.400 MW là công trình Thủy điện lớn nhất Đông Nam Á. Bên cạnh đó Công ty còn được Tổng công ty Sông Đà giao nhiệm vụ là đơn vị thi công trình công trình Thủy điện Nậm Chiến có công suất 200 MW. Công ty đã góp phần tích cực trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công để đưa nhà máy Thủy điện Sơn La phát điện sớm 2 năm so với tiến độ đề ra.
- Từ năm 2010 đến 2017: Công ty tiếp tục được tin tưởng giao nhiệm vụ là một trong những đơn vị thi công chính Thủy điện Lai Châu có công suất 1.200 MW và là thành viên của tổ hợp nhà thầu thi công thủy điện Bản Chát có công suất 220 MW.
- Từ năm 2017 đến nay Công ty Tập trung quyết toán tại các công trình mà công ty đã thi công và tham gia làm nhà thầu chính tại Công trình thủy điện Nậm Thi 2 tại Lai Châu.
- Từ tháng 08/2018 Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 do Công ty góp vốn đã đi vào hoạt động phát điện thương mại Với Công suất 8MW. Năm 2020 là năm có điều kiện khí hậu hạn hán nên Nhà máy thủy điện Nậm Thi không mang lại hiệu quả.
- Hiện nay Công ty đang tập trung vào thu vốn tại các công trình đã thi công để có vốn phục vụ mục tiêu phục hồi sản xuất kinh doanh.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh: Trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 500 Kv;
- Xây dựng công trình thông tin, bưu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt;
- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Thiết kế và tư vấn, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;

- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; môi giới, đấu giá bất động sản;
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình Thủy điện vừa và nhỏ; SXKD điện thương phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng

3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị Công ty: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, bao gồm:

- Cơ quan Công ty;
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty;
- Các công ty liên kết

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm trong đó có 1 thành viên không điều hành. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp t/hường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 03 thành viên: 01 Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2020) và 02 Phó tổng giám đốc. Từ tháng 8 năm 2020 đến nay Công ty hiện chưa có Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách Ban Tổng giám đốc tại ngày 31/12/2020:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Doanh | Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/08/2020) |
| 2. Ông Nguyễn Văn Bút | Phó tổng giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Cao Sơn | Phó tổng giám đốc |

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, nhân sự, tổ chức sắp xếp, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực; khen thưởng kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đối ngoại, đối nội quản trị hành chính văn phòng và văn thư lưu trữ trong phạm vi toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác tổ chức;
- Công tác cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác hành chính, bảo vệ, y tế.

PHÒNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Phòng kỹ thuật công nghệ có chức năng chính về công tác kỹ thuật, tổ chức thi. Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc về công tác quy hoạch, thiết kế, tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, dự án công ty tham gia, giám sát toàn bộ công tác kỹ thuật, thi công, chất lượng các dự án, hạng mục thi công, sản phẩm sản xuất của Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập quy hoạch, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật dự án, công trình;
- Kiểm tra, phân tích bản vẽ thiết kế các dự án, công trình công ty tham gia đấu thầu, thi công;
- Tính toán, bóc tách các loại vật liệu từ bản vẽ thiết kế thi công được duyệt;
- Tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng kỹ thuật;

- Giám sát, điều hành công tác kỹ thuật, thi công tại hiện trường;
- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý chất lượng, quy trình đảm bảo kỹ thuật;
- Lập các báo cáo khối lượng thi công, tiến độ chi tiết các dự án, công trình theo yêu cầu quản lý;
- Tổ chức đơn đốc công tác nghiệm thu, bàn giao, lập hồ sơ thu vốn theo đúng yêu cầu, tiến độ;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

Phòng kỹ thuật chất lượng có chức năng chính về công tác kỹ thuật, tổ chức thi công quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất

- Mua sắm vật tư, thiết bị cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, áp dụng các hình thức đấu thầu, chọn thầu đảm bảo mua được vật tư, máy móc thiết bị với chi phí thấp nhất, hiệu quả sử dụng cao nhất;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, giá cả công năng của các vật tư mua về;
- Theo dõi việc sử dụng vật tư đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả;
- Lập hồ sơ, lý lịch máy móc, thiết bị. Theo dõi việc bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tiêu hao nhiên liệu của từng máy móc thiết bị;
- Là đầu mối quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;
- Báo cáo định kỳ về việc mua sắm và sử dụng vật tư, thiết bị, tình trạng kỹ thuật hoạt động của từng xe máy, thiết bị;
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động mới vào làm việc và theo định kỳ;
- Tổ chức, theo dõi cấp phát và sử dụng trang thiết bị, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động đảm bảo sản xuất phải an toàn;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

PHÒNG KINH TẾ ĐẦU TƯ

Phòng Kinh tế Đầu tư có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong các công tác: quản lý kinh tế; quản lý kế hoạch; đầu tư; tiếp thị, đấu thầu, thị trường; kỹ thuật phân xây lắp; thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư dự án một cách hiệu quả và khả thi. Tổ chức khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách bán hàng, phát triển mạng lưới thiêu thụ và chăm sóc khách hàng. Giám sát, nghiệm thu công trình thi công phân xây lắp đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ theo đúng hồ sơ thiết kế. Xây dựng và ban hành định mức, đơn giá cho từng hạng mục công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác quản lý kinh tế đối với các công trình Công ty thi công;
- Công tác định mức, đơn giá tiền lương;

- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Công tác hạch toán kinh doanh;
- Công tác kế hoạch;
- Công tác đầu tư;
- Công tác tiếp thị đấu thầu;

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, tín dụng, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, điều tiết các nguồn lực tài chính, khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển chung toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập kế hoạch tài chính, huy động vốn, sử dụng phân phối vốn;
- Thu thập, phân loại và xử lý tổng hợp số liệu, thông tin về hoạt động SXKD;
- Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời;
- Phát hành một số chứng từ theo mẫu bắt buộc của Nhà nước như: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy nộp tiền vào ngân sách ...;
- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán;
- Tổng hợp số liệu và lập các báo cáo kế toán theo quy định;
- Lập các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo yêu cầu của Tổng công ty và lãnh đạo Công ty;
- Tổ chức đôn đốc công tác thu tiền bán hàng, quản lý và thu hồi công nợ;
- Phân tích, so sánh tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm.

Các Công ty liên kết:

TT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Sông Đà 7.02	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	41.746.413.455	34,81

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Trên cơ sở tình hình thực tế của công ty hiện nay, công tác tìm kiếm việc làm xây lắp thông qua đấu thầu gặp rất nhiều khó khăn do tiêu chí tài chính không đáp ứng được hồ sơ mời thầu. Vì vậy trong giai đoạn 2021-2022, Công ty CP Sông Đà 7 sẽ định hướng ngành nghề như sau:

Trang 9

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- ✓ Tập trung thu hồi công nợ phải thu.
- ✓ Tiếp tục tìm kiếm nguồn việc xây lắp phù hợp với năng lực của công ty, trong đó tập trung vào các thủy điện vừa và nhỏ.
- ✓ Xây dựng chiến lược chuyển hướng kinh doanh từ xây lắp sang kinh doanh BĐS, ngành nghề phù hợp khác và đầu tư tài chính khi có đủ năng lực tài chính.

5. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

▪ RỦI RO VỀ KINH TẾ

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID 19 với quy mô toàn cầu dẫn đến kinh tế thế giới rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Điều này có ảnh hưởng rất lớn tới Công ty cổ phần Sông Đà 7 trong việc tìm kiếm việc làm.

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Sông Đà 7 luôn cập nhật và theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường trong nước và thế giới để đảm bảo phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam đang chịu ảnh hưởng, tác động rất nhiều bởi tình hình chung của kinh tế thế giới và năm 2020 mức tăng trưởng kinh tế Việt Nam bị giảm mạnh so với những năm gần đây. Với mức tăng trưởng như vậy ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của Công ty.

Lạm phát

Năm 2020 tỷ lệ lạm phát của Việt Nam cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế. Vấn đề này cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng gây ảnh hưởng không tốt tới Công ty CP sông Đà 7.

Lãi suất

Hiện nay Công ty CP Sông Đà 7 đang không sử dụng vốn vay của các tổ chức tín dụng, Vì vậy hiện tại Công ty CP Sông Đà 7 chưa bị ảnh hưởng rủi ro về lãi suất.

Tài chính

Hiện nay tài sản của Công ty CP Sông Đà 7 chủ yếu là phải thu ngắn hạn của khách hàng và đầu tư vào Công ty liên kết vì vậy gặp rủi ro về tài chính khi không thu hồi được công nợ và phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của đơn vị khác.

▪ RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 là Công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cũng như các doanh nghiệp khác được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Sông Đà 7 cần có thời gian để tiếp cận và tiến hành quản lý doanh nghiệp theo tất cả các quy định Pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... đang còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy,

việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

▪ **RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

Việc niêm yết cổ phiếu Sông Đà 7 trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua TTCK; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị Công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

▪ **RỦI RO KHÁC**

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... luôn là những rủi ro tiềm ẩn tác động trực tiếp đến tiến độ thi công của Công ty. Những biến động này làm giảm tốc độ thi công, gây thiệt hại cho công trình.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

• **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt được như sau:

- Cho thuê văn phòng làm việc tại tầng 7 tòa nhà Sông Đà quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Thu hồi được 1 phần công nợ từ khách hàng đảm bảo đủ nguồn tài chính để thực hiện nghĩa vụ Thuế với Ngân sách nhà nước tại Cục Thuế Sơn La và Lai Châu.
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ để tiết giảm chi phí quản lý.

• **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid nói chung và do tình hình tài chính của Công ty nói riêng nên Công ty không thực hiện được kế hoạch đã đề ra: Cụ thể Công ty không tìm kiếm được việc làm dẫn đến Công ty không phát sinh doanh thu ngoại trừ doanh thu có được từ hoạt động cho thuê văn phòng tại tầng 7 tòa Nhà HH4 – Mỹ Đình – Nam Từ Liêm – Hà Nội.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

• **Danh sách Ban điều hành**

- **Tổng giám đốc : Nguyễn Hữu Doanh (Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2020)**

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Doanh
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 03/9/1968
- Nơi sinh: Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Căn cước công dân: 001068013252 Cấp ngày 14/03/2018
- Nơi cấp : Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 024.666.80228.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 07/1987 - 12/1994: Công ty XD Công trình ngầm - Tổng công ty XD Sông Đà
 - ✓ Từ 01/1995 - 12/1996: Công ty XD Sông Đà 8 - Tổng công ty XD Sông Đà
 - ✓ Từ 03/1997 - 06/2002: Học đại học Xây dựng
 - ✓ Từ 07/2002 - 01/2004: Đội trưởng đội Xây lắp số I - Công ty XD Sông Đà 7
 - ✓ Từ 02/2004 -12/2007: Giám đốc XN Sông Đà 7.04 - Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 01/2008 - 7/2010: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 8/2010 - 5/2012: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 5/2012 – T04/2016: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 5/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7, chủ tịch Công ty CP Sông Đà 7.04.
 - ✓ Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Công ty cổ phần Sông Đà 7
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.04, chủ tịch kiêm giám đốc Công ty CPTĐ Cao Nguyên Sông Đà 7.
- Số cổ phiếu SD7 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2020) : 2.602.100 Cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- **Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Bút
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/9/1958

- Nơi sinh: Văn Phú - Thường Tín - Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 18 - P. Văn Phú – Q. Hà Đông -TP Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437878230
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1983 – 1984 Làm kỹ thuật
 - ✓ Từ 1985 – 1986 Làm Phó phòng QLCG Công ty Sông Đà 7
 - ✓ Từ 1987 – 1989 Làm Phó Quản đốc các phân xưởng S/c bê tông
 - ✓ Từ 1990 – 1993 Làm PGĐ Xí nghiệp
 - ✓ Từ 1994 – 2001 Làm PGĐXN sau đó làm Trưởng phòng QLCG
 - ✓ Từ 2002 làm PGĐ Công ty Sông Đà 7
 - ✓ Công tác liên tục ở Công ty Sông Đà 7 từ 1983 đến nay
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu SD7 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2019) : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: NGUYỄN CAO SƠN
- Ngày sinh: 30/8/1982
- Nơi sinh: Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Số CMND: 111631612
- Quê quán : Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng công trình thủy
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ Năm 2000-:-2005: Học tại Trường Đại học Thủy Lợi
 - ✓ Từ tháng 7/2005-:- 03/2010: Chuyên viên kỹ thuật tại Ban điều hành dự án Thủy điện Tuyên Quang

- ✓ Từ tháng 03/2010-:11/2011: Trưởng phòng quản lý kỹ thuật thi công an toàn BDH TĐ Lai Châu
 - ✓ Từ tháng 11/2011-:6/2013: Chuyên viên BDH thi công nhà Quốc hội- TĐSD
 - ✓ Từ tháng 06/2013-: 1/8/2020: Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ hiện tại : Phó tổng giám đốc - Công ty CP Sông Đà 7
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- **Kế toán trưởng**
- Họ và tên: Đặng Quang Hiệu
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 20/02/1984
 - Nơi Sinh: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
 - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.666.80228.
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2009 – T04/2011 Nhân viên kế toán tại Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T05/2011- T06/2012 Kế toán trưởng CN Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
 - ✓ Từ T07/2012 – T12/2014 Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ T04/2015 – T12/2015 Nhân viên P.TCKT Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T01/2016 – T07/2016 Phó KTT Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T08/2016 – T10/2016 Quyền KTT tại Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T11/2017 – Nay KTT tại Công ty CP Sông Đà 7
 - Chức vụ công tác hiện nay: KTT Công ty CP Sông Đà 7 kiêm thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7, trưởng BKS công ty CP Sông Đà 7.04.
 - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 31/12/2019*): 0 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Năm 2020 Công ty Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc với Ông Nguyễn Hữu Doanh đồng thời bổ nhiệm Ông Nguyễn Coa Sơn làm Phó tổng giám đốc Công ty.
- **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tổng số lao động bình quân năm 2020 là 25 người. Do chưa tìm được công việc mới nên Công ty chỉ giữ lại những lao động cốt cán để giữ người. Khi tìm kiếm được việc làm mới Công ty sẽ thực hiện tuyển dụng thêm để đáp ứng theo yêu cầu.

- **Chính sách đối với người lao động:**

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (*không liên tục*) trong năm và được hưởng nguyên lương. CBCNV được hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định của nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Hệ thống lương của Sông Đà 7 được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Với mục tiêu động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hình thức khen thưởng được áp dụng bao gồm khen thưởng bằng vật chất, tuyên dương trước tập thể, tổ chức các chuyến du lịch, tập huấn trong và ngoài nước, v.v... .

Bên cạnh đó, việc xử lý cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty cũng được Sông Đà 7 thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó đã giúp Sông Đà 7 tạo dựng một môi trường làm việc nghiêm túc và có tinh thần thi đua cao trong toàn Công ty.

Chế độ bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của CBCN, giúp người lao động yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất chú trọng tới các chế độ đãi ngộ khác dành cho người lao động. Công ty đã xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Trong năm, công ty tổ chức thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, tặng quà cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, kết hôn, tổ chức gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân dịp 1-6, Trung Thu...

Những hoạt động này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của Sông Đà 7, mang lại sự gắn kết giữa các CBCNV cũng như giữa CBCNV với Công ty.

Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 2005. Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHCĐ quyết định.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- **Các khoản đầu tư lớn:** Không
- **Các công ty liên kết**
- Công ty CP Sông Đà 7.02

Công ty CP Sông Đà 7.02 có vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành đưa dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đi vào phát điện thương mại từ tháng 07/2018. Trong năm 2020 do điều kiện thiên nhiên hạn hán nên nhà máy thủy điện Nậm Thi bị lỗi.

Trước năm 2015 hoạt động chính của Công ty xây lắp, sản xuất công nghiệp tại các dự án thủy điện Sơn La, Bản Chát, Lai Châu, Sứ Pán 2 và các phát sinh khối lượng, giá trị dở dang, công nợ phải thu tại các dự án này đến nay vẫn chưa được quyết toán, thu hồi dứt điểm. Từ năm 2015 đến nay Công ty CP Sông Đà 7.02 chỉ tập trung vào việc đầu tư và thực hiện dự án thủy điện Nậm Thi 2.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- **Tình hình tài chính**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
-----------	-----------------	-----------------	-----------------	----------------

1	Tổng tài sản	231.300.486.084	204.487.926.607	
2	Doanh thu thuần	63.511.356.976	2.587.469.744	
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	907.929.668	(2.712.897.007)	
4	Lợi nhuận khác	760.992.941	1.234.480.234	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.668.922.609	(1.478.416.773)	
6	Lợi nhuận sau thuế	1.668.922.609	(1.478.416.773)	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

• **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,71	1,99	
	- TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,71	1,99	
	+ Hệ số thanh toán nhanh	1,76	1,88	
	- (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,76	1,88	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,47	0,40	
	+ Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,886	0,66	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho			
	- Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	3,219	263	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,285	0,01	
4	Chỉ tiêu sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu	2,6%	(57)%	

	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,3%	(1,2)%	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,72%	(0,73)%	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.600.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.600.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

- Cơ cấu cổ đông:**

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 20/04/2021:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ông Nguyễn Hữu Doanh	Villa 1-07, KNO & TTTM phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP Hà Nội	001068013252	2.602.100	24,54%
2	Công ty CP TD Cao Nguyên Sông Đà 7	Thôn Lán Tranh, xã Đưng Knó, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	5800519428	2.500.000	23,58%
3	Nguyễn Trọng Khoa	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	112297465	800.000	7,55%
	Tổng cộng			4.064.672	55,68%

- Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 20/04/2021:**

- + Cổ đông tổ chức nắm giữ 2.893.067 cổ phần chiếm 27,3% cổ đông là cá nhân nắm giữ 7.706.933 cổ phiếu chiếm 72,7%.
- + Cổ đông trong nước nắm giữ 10.459.309 cổ phần chiếm 98,67%, cổ đông nước ngoài nắm giữ 140.691 cổ phần chiếm 1,33%.

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2020 Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.
- **Giao dịch chứng khoán khác:** không

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm 2020 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty CP Sông Đà 7 các dự án Thủy điện lớn đã không còn trong khi Thủy điện Lai Châu đi vào phát điện. Khó khăn lớn nhất của Công ty là vốn ít, Công ty bị thua lỗ liên tiếp, công tác tìm kiếm công việc chưa đạt hiệu quả ảnh hưởng đến thu nhập và việc làm của CBCNV.
- Một số công trình đã thi công xong từ lâu nhưng do chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán nên công nợ phải thu còn rất lớn. Điều này làm Công ty không có nguồn tài chính thanh toán cho khách hàng, nộp thuế. Mặt khác các đơn vị mà Sông Đà 7 tham gia góp vốn đều đang bị thua lỗ nên Công ty đã phải trích lập dự phòng các khoản đầu tư này làm giảm đáng kể hiệu quả SXKD của Công ty.
- Nguyên nhân chính dẫn đến việc Tổng giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu không đạt so với kế hoạch là do:
 - Toàn bộ các công trình công ty tham gia thi công, sản xuất vật liệu đều đi vào giai đoạn hoàn thành và chuyển giao sang vận hành thương mại.
 - Việc tổ chức tìm kiếm việc làm, đấu thầu các dự án, công trình mới gặp rất nhiều khó khăn do trước đây công ty chủ yếu được làm các công trình chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.
 - Nguồn tài chính khó khăn do không thu hồi được công nợ.

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH năm
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	69,7	2,59	3,72%
2	Doanh thu	Tỷ.đ	51,0	2,59	5,08%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	2	1,3	65,00%
4	Lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	-1,5	-1,478	
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	-1,5	-1,478	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	120,2	121,887	101,40%
5	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	8,0	8,5	106,2%
6	CBCNV bình quân	Người	60	25	41,67%

2. Đánh giá các mặt quản lý điều hành:

- **Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất**

- Trong năm 2020 Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung chỉ đạo các bộ phận và phòng ban chức năng

của Công ty thực hiện giải quyết các tồn tại, vướng mắc tại công trình mà đơn vị tham gia thi công.

- Cho thuê khối văn phòng tại tòa nhà HH4 Tổng công ty Sông Đà giảm chi phí quản lý.
- **Công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ**
 - Thủy điện Sơn La: Đã đối chiếu toàn bộ giá trị đã quyết toán với BDH dự án Thủy điện Sơn La theo từng mục, hạng mục để tiến hành ký biên bản quyết toán và thanh lý công trình:
 - Thủy điện Nậm Chiến: Đã đối chiếu các bộ hồ sơ đã quyết toán với BDH dự án Thủy điện Nậm Chiến đang kiểm tra một số hạng mục còn lại để tiến hành thanh lý:
 - Thủy điện Lai Châu: Đã hoàn thành công tác quyết toán phần xây lắp với Chủ đầu tư, bảo vệ khối lượng và giá trị trước kiểm toán nhà nước hiện công trình chỉ còn 03 nội dung chưa được giải quyết dứt điểm bao gồm:
 - + Chênh lệch giá nước sản xuất và sinh hoạt các năm báo nợ Sông Đà 11
 - + Chênh lệch giá gạch bê tông xây buồng phòng nhà máy báo nợ Sông Đà 6.
 - + Phần bê tông lẹm thu của Sông Đà 10: Do Công ty Cổ phần Sông Đà 10 không bố trí được cán bộ kiểm tra thực hiện công văn số 209 TCT/Kte ngày 12/11/2015 về việc “Phê duyệt phương án giải quyết công tác nghiệm thu, thanh toán bê tông lẹm tại các công trình thủy điện của Tổng công ty Sông Đà”. Đơn vị đã ký xác nhận được giá trị với BDH dự án Thủy điện Lai Châu.Đang tiến hành đối chiếu phục vụ việc ký biên bản quyết toán và thanh lý công trình.
 - Thủy điện Bản Chát: Đã ký quyết toán và thanh lý công trình với chủ đầu tư đang tiến hành thanh lý nội bộ với Tổng công ty Lycogi – Công ty cổ phần. Đơn đốc thu hồi dứt điểm công nợ với Licogi và phân còn lại với chủ đầu tư .
 - Thủy điện Hồ Hô: Đã cử cán bộ tích cực bám sát Chủ đầu tư nhằm thu hồi công nợ và phê duyệt phần khối lượng, giá trị phát sinh, tuy nhiên Chủ đầu tư gặp khó khăn về tài chính, thường xuyên tìm cách trì hoãn, không hợp tác.

- **Công tác tài chính - tín dụng**

Thực hiện giảm nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng từ 165 tỷ xuống còn 137 tỷ. Trong năm đã thu hồi được hơn 24,7 tỷ đồng tiền phải thu của khách hàng.

- Đã thanh toán toàn bộ tiền bảo hiểm cho bảo hiểm xã hội Sơn La, Đã hoàn thành toàn bộ nợ gốc với Cục thuế Tỉnh Sơn La và Cục thuế tỉnh Lai Châu.

- Đã ghi chép và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 1 cách kịp thời.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- **Tình hình tài sản**

Tổng tài sản trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 là 204,4 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn 158,2 tỷ đồng chiếm 77,3% % và tài sản dài hạn 46,2 tỷ đồng chiếm 22,7%. Trong năm 2020 giá trị Tổng tài sản có biến động giảm so với thời điểm 01/01/2020 là 7 tỷ đồng là do trong năm Công ty có thu được vốn từ các đối tác

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tổng tài sản			
-	Hiệu suất sử dụng tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		0,262	0,01
-	Hệ số sinh lợi tổng tài sản (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		0,068	(0,007)
2	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản ngắn hạn			
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản ngắn hạn (Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn bình quân trong kỳ)		0,341	0,015
-	Vòng quay Tài sản ngắn hạn (Giá vốn hàng bán/Tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,253	263
-	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	3,219	0,007
-	Kỳ thu tiền bình quân (Các khoản phải thu bình quân/Doanh thu thuần)*360 ngày	Ngày	918	20.959
3	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản dài hạn			
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản dài hạn (Doanh thu thuần/Tài sản dài hạn bình quân)		1,132	0,056

Năm 2020 Ban điều hành công ty chưa phát huy được hết năng lực của các loại tài sản của công ty, điều này được thể hiện rất rõ qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản nêu trên. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản đều ở mức rất thấp cho thấy việc sử dụng tài sản chưa tạo ra được nhiều doanh thu và lợi nhuận tương ứng với quy mô hiện có của tài sản.

- **Tình hình nợ phải trả**

Tính đến 31/12/2020 nợ phải trả của Công ty là 82,6 tỷ đồng giảm 25 tỷ đồng so với đầu năm, toàn bộ số nợ phải trả này chủ yếu là nợ ngắn hạn và có khả năng trả nợ. Trong đó vay và thuê tài chính giảm 16 tỷ đồng. Năm 2020 Ban điều hành Công ty đã tập trung thu hồi công nợ và thanh toán công nợ cho cá bên liên quan.

4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

4.1. Mục tiêu chung:

- a. Tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt công tác thu hồi công nợ từ Tổng công ty Sông Đà - Công ty Cổ phần và các Ban điều hành: 06 tháng đầu năm phải thu hồi 50% số Công nợ và hoàn thành 100% trong 6 tháng cuối năm để có nguồn vốn phục hồi sản xuất;
- b. Tiếp tục tiến hành thoái vốn khoản đầu tư tài chính tại Công ty CP Khoáng Sản Luyện Kim Việt Nam - Mirex, tìm đối tác thực hiện dự án Đồng Quang – Quốc Oai khi có điều kiện thích hợp;
- c. Thanh lý hợp đồng các Công trình đơn vị đã thi công.
- d. Tập trung thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của công ty khi có điều kiện thích hợp. Trước mắt tập trung tiếp thị đấu thầu một số dự án do Công ty CP Đầu tư đô thị Sông Đà 7 làm Chủ đầu tư;

4.2. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch SXKD năm 2021:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	38,02	
2	Doanh thu	Tỷ.đ	32,3	
3	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ.đ	1,2	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	-1,5	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	120,2	
6	Vốn điều lệ	Tỷ.đ	106,0	
7	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	9,0	
8	CBCNV làm việc bình quân	Người	25	

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà 7. Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể CBCNV rất mong nhận được sự đóng góp ủng hộ của các cổ đông để hoàn thành mục tiêu đã đề ra và đồng thời cũng đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Công ty

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Đối với ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 060421.002/BCTC.KT5 ngày 06/04/2021 do Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện Ban Tổng giám đốc đánh giá và cho rằng:

- **Giải trình về biến động lợi nhuận bị lỗ và giảm trên 10% so với cùng kỳ năm trước :**

Năm 2020 Công ty không tìm kiếm được việc làm mới nên Công ty chỉ có doanh thu từ tiền thuê văn phòng vì vậy công ty đã không có lợi nhuận.

- **Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán**

- Khoản thu nhập khác: Hiện tại các công trình đơn vị thi công đã quyết toán xong, một số đã hết hạn bảo hành. Căn cứ tình hình thực tế và tuổi nợ ghi chi phí trích trước Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác phần chi phí đã trích trước.

- Khoản dự phòng đầu tư tài chính trích lập thừa: Công ty xác định giá trị khoản đầu tư để trích lập dự phòng trên kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị đó và giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2020. Công ty sẽ xem xét đánh giá khoản đầu tư này để điều chỉnh khoản trích lập vào những năm tiếp theo.

- Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi, chưa đầy đủ đối chiếu công nợ: Do đặc thù của ngành xây lắp, Các công trình của Công ty nằm rải rác tại nhiều địa phương có địa hình đặc biệt khó khăn, kéo dài qua nhiều thời kỳ. Các đối tác ở nhiều địa phương trên cả nước dẫn đến việc đối chiếu và thu hồi nợ gặp nhiều khó khăn. Đối với những khách hàng công ty chưa trích lập dự phòng ban lãnh đạo Công ty đánh giá đây là những khoản nợ vẫn có khả năng thu hồi. Công ty sẽ xem xét và trích lập dự phòng khi thấy cần thiết.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn, quản lý tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ công trình, quản lý đầu tư, quản lý lao động. Theo quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động SXKD, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý điều hành của Công ty luôn chấp hành quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát Ban tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật, quy chế, quy định cũng như các Nghị quyết của HĐQT Công ty, cụ thể như sau:
- Năm 2020 HĐQT Công ty đã ban hành: 07 Nghị quyết và 06 Quyết định.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan, nên hoạt động SXKD của Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân chủ yếu như: Các công trình chỉ định thầu Đơn vị tham gia đã kết thúc; Công ty đang trong giai đoạn tập trung thu vốn tại các công trình; Công ty chưa tìm kiếm được việc làm mới...

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tập trung dứt điểm công tác thu hồi vốn và công nợ tại công trình đã và đang tham gia thi công từ chủ đầu tư
- Chuyển hình thức kinh doanh BĐS và một số ngành khác khi đã thu hồi được công nợ.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, vận hành sản xuất điện thương phẩm của nhà máy đảm bảo năng suất, hiệu quả cao thông qua quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP thủy điện Cao Nguyên-Sông Đà 7 và Công ty CP Sông Đà 7.02.
- Tập trung giám sát, đôn đốc Công ty CP Sông Đà 7.02 thực hiện quá trình đầu tư, tổ chức thi công đúng tiến độ đề ra của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1
- Xúc tiến tìm kiếm, đấu thầu tìm kiếm việc làm, dự án mới phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động và tăng lợi ích cho Công ty và các cổ động

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách các thành viên HĐQT:

a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

- | | |
|---------------------------------------|--|
| ▪ Họ và tên: | Nguyễn Hữu Doanh |
| ▪ Giới tính: | Nam |
| ▪ Ngày, tháng, năm sinh: | 03/9/1968 |
| ▪ Nơi sinh: | Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội |
| ▪ Quốc tịch: | Việt Nam |
| ▪ Căn cước công dân: | 001068013252 Cấp ngày 14/03/2018 |
| ▪ Nơi cấp : | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư |
| ▪ Dân tộc: | Kinh |
| ▪ Quê quán: | xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội |
| ▪ Địa chỉ thường trú: | Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội |
| ▪ Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: | 0437878230 |
| ▪ Trình độ văn hóa: | 10/10 |
| ▪ Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư Xây dựng |
| ▪ Quá trình công tác: | |
| ✓ Từ 07/1987 - 12/1994: | Công ty XD Công trình ngầm - Tổng công ty XD Sông Đà |
| ✓ Từ 01/1995 - 12/1996: | Công ty XD Sông Đà 8 - Tổng công ty XD Sông Đà |
| ✓ Từ 03/1997 - 06/2002: | Học đại học Xây dựng |
| ✓ Từ 07/2002 - 01/2004: | Đội trưởng đội Xây lắp số I - Công ty XD Sông Đà 7 |
| ✓ Từ 02/2004 -12/2007: | Giám đốc XN Sông Đà 7.04 - Công ty CP Sông Đà 7 |
| ✓ Từ 01/2008 - 7/2010: | Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 |
| ✓ Từ 8/2010 - 5/2012: | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04 |

- ✓ Từ 5/2012 – T04/2016: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
- ✓ Từ 5/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Công ty CP Sông Đà 7.04, chủ tịch kiêm giám đốc Công ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 2.602.100 Cổ phần

b. Thành viên Hội đồng quản trị:

*** Thành viên thứ nhất :**

- Họ và tên: Trần Văn Tài
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1979
- Nơi sinh: Thôn Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thôn Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Thôn Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi
- Quá trình công tác :
 - ✓ Từ 2004 – 2007: Công tác tại Xí nghiệp bê tông – Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 2008 – 2011: Trưởng phòng quản lý vật tư cơ giới – Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 2011 – 2012: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
 - ✓ Từ 2013 – 8/2015: Phó phòng Vật tư thiết bị - Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 9/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7, Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9 CP

*** Thành viên thứ hai :**

- Họ và tên: Quát Văn Quang
- Ngày sinh: 04/08/1976
- Nơi sinh: xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, Bắc Giang
- Số CMND: 121332738
- Quê quán: xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: Dự án Tổng cục 5 Bộ Công an, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2003-:-4/2004: Kỹ thuật - Công ty lắp máy Lilama
 - ✓ Từ T4/2004-:-11/2004: Nhân viên- Phòng cơ giới Vật tư Công ty CP Sông Đà 5
 - ✓ Từ T12/2004-:-01/2013: Trưởng ban – Vật tư cơ giới xí nghiệp Sông Đà 503- Công ty CP Sông Đà 5
 - ✓ Từ T01/2013-:- đến nay: Trưởng phòng Vật tư Thiết bị Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Phòng Vật tư Thiết bị - Công ty CP Sông Đà 7
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ ba:**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Long
- Sinh ngày: 18 tháng 9 năm 1981
- Nơi sinh: Trạm y tế xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.
- Thẻ căn cước công dân số: 001081016926 cấp ngày 27/11/2016.
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hồng Dương - Thanh Oai - Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Thôn Ngọc Đình xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư Thủy Lợi.
- Chức vụ đơn vị công tác hiện tại: Phó phòng KT- ĐT Công ty Cổ phần Sông Đà 7.
- Tóm tắt quá trình công tác
 - ✓ Từ T06/2004-:-T06/2006: Nhân viên ban kỹ thuật Chi nhánh Sơn La
 - ✓ Từ T07/2006-:-T09/2007: Đội trưởng đội xây lắp số 5 xí nghiệp Sông Đà 703
 - ✓ Từ T10/2007-:-T09/2008: Khu trưởng Xí nghiệp Sông Đà 706
 - ✓ Từ T10/2008-:-T09/2009: Nhân viên ban kỹ thuật Xí nghiệp Sông Đà 707
 - ✓ Từ T10/2009-:-T03/2010: Nhân viên rời làm phó ban Kinh tế - Kế hoạch Xí nghiệp Sông Đà 707
 - ✓ Từ T04/2010-:-T11/2011: Trưởng ban KT-KH Xí nghiệp Sông Đà 707.1
 - ✓ Từ T11/2011-:-T3/2016 : Nhân viên, phó phòng rời trưởng phòng Kinh tế vật tư cơ giới Chi nhánh Sông Đà 7.07
 - ✓ Từ T03/2016-:-T5/2016 : Phó giám đốc Chi nhánh Sông Đà 707
 - ✓ Từ T5/2016 đến nay : Phó phòng kinh tế đầu tư Công ty CP Sông Đà 7.

- Chức vụ hiện nay: Phó trưởng phòng Kinh tế Đầu tư Sông Đà 7
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP
- Số cổ phần của những người có liên quan: không

*** Thành viên thứ tư:**

- Họ và tên: Đặng Quang Hiệu
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 20/02/1984
 - Nơi Sinh: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2009 – T04/2011: Nhân viên kế toán tại Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T05/2011- T06/2012: Kế toán trưởng CN Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
 - ✓ Từ T07/2012 – T12/2014: Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ T04/2015 – T12/2015: Nhân viên P.TCKT Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T01/2016 – T07/2016: Phó KTT Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T08/2016 – T10/2016: Quyền KTT tại Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T11/2016 – Nay: KTT tại Công ty CP Sông Đà 7
 - Chức vụ công tác hiện nay: KTT Công ty CP Sông Đà 7 kiêm thành viên hội HDQT Công ty CP Sông Đà 7, Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 7.04, Trưởng BKS Công ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:** Không
 - **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không
 - **Hoạt động của Hội đồng quản trị**
 - Hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai Kế hoạch SXKD năm 2020 và các nội dung khác để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục tập trung thu vốn tại các công trình: Thủy điện Lai Châu; Thủy điện Huội Quảng; Thủy điện Nậm Chiến; Nhà máy xi măng Mai Sơn... và các công trình dự án mà công ty tham gia để phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2020 HĐQT Công ty đã ban hành: 07 Nghị quyết và 06 Quyết định.

Các cuộc họp của HĐQT năm 2020: Hội đồng quản trị đã thực hiện các họp thường kỳ và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Nội dung các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và ủy quyền của ĐHCĐ thường niên.

Tình hình tham dự các cuộc họp định kỳ của các thành viên HĐQT:

T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)
1	NGUYỄN HỮU DOANH	Chủ tịch	5	100
2	QUÁT VĂN QUANG	Thành viên	5	100
3	TRẦN VĂN TÀI	Thành viên	5	100
4	ĐẶNG QUANG HIỆU	Thành viên	5	100
5	NGUYỄN VĂN LONG	Thành viên	5	100

Hoạt động của Hội đồng quản trị: Đã được thực hiện theo đúng Quy chế quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán do Bộ tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007.

- **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Công ty chưa có thành viên hội đồng quản trị độc lập.
- **Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Đơn vị đào tạo
1	Nguyễn Hữu Doanh	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Trường Đại học quốc gia Hà Nội

2. BAN KIỂM SOÁT

Trang 28

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

Trưởng ban kiểm soát:

- Họ và tên : Đặng Việt Hùng
- Ngày sinh: 20/4/1972
- Nơi sinh: Xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- Số CMND: 113146914
- Quê quán: Xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Phường Đồng Tiến, Thành phố Hòa Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 11/1994 đến tháng 10/2009: Bí thư Chi bộ, Trưởng phòng Tin học, Cục thuế tỉnh Hòa Bình
 - ✓ Từ tháng 11/2009 đến tháng 4/2014 : Bí thư Chi bộ, Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sông Đà Thăng Long tại Hòa Bình.
 - ✓ Từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2016: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thiên Hà Hòa Bình.
 - ✓ Từ tháng 3/2016 đến 31/12/2018: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình
- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 7
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần đại diện vốn nhà nước : 0 CP
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ nhất:**

- Họ và tên: NGUYỄN CAO SƠN
- Ngày sinh: 30/8/1982
- Nơi sinh: Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Số CMND: 111631612
- Quê quán : Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng công trình thủy
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ Năm 2000-:-2005: Học tại Trường Đại học Thủy Lợi
 - ✓ Từ tháng 7/2005-:- 03/2010: Chuyên viên kỹ thuật tại Ban điều hành dự án Thủy điện Tuyên Quang
 - ✓ Từ tháng 03/2010-:-11/2011: Trưởng phòng quản lý kỹ thuật thi công an toàn BDH TĐ

Lai Châu

- ✓ Từ tháng 11/2011-:-6/2013: Chuyên viên BĐH thi công nhà Quốc hội- TĐSD
- ✓ Từ tháng 06/2013-:- 1/08/2020: Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ hiện tại : Phó tổng giám đốc - Công ty CP Sông Đà 7
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ hai:**

- Họ và tên : NGUYỄN ANH LAM
 - Ngày sinh : 24 / 09 / 1981
 - Nơi sinh : Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
 - Số CMND : 182.151.453
 - Quê quán : Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
 - Địa chỉ thường trú : Phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế Thủy Lợi
 - Quá trình công tác :
 - ✓ Từ 8/2004 -:-12/2005: Nhân viên Ban KTKH Xí nghiệp Sông Đà 705 - Công ty Sông Đà 7
 - ✓ Từ T01/2006 -:- T12/2006: Nhân viên Ban KTTH Xí nghiệp Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T01/2007 -:- T10/2007: Phó trưởng Ban KTTH Xí nghiệp Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T11/2007 -:- T12/2007: Trưởng ban KTTH Xí nghiệp Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T01/2008 -:- T06/2013: Trưởng phòng KTTH - Công ty cổ phần Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T07/2013 -:- T08/2017: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T09/2017 -:- nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH Bê Tông Việt Nam
 - Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty TNHH Bê Tông Việt Nam
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**
 - **Thay đổi thành viên Ban kiểm soát:Không.**
 - **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2020 hoạt động của Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã lập; Tham gia góp ý hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, các nghị quyết của HĐQT và việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên cũng như các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành công ty. Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra các Báo cáo tài chính tương ứng với các kỳ kết thúc. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm đã thực hiện kiểm soát theo Điều lệ công ty, tuân thủ các quy định trong Luật Doanh nghiệp.

Trong năm qua Ban kiểm soát chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ công ty) có liên quan đến hoạt động quản lý điều hành và SXKD của công ty.

- Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đặng Việt Hùng	Trưởng ban	2/2	100%	
2	Nguyễn Cao Sơn	TV BKS	2/2	100%	
3	Nguyễn Anh Lam	TV BKS	2/2	100%	

+ Trong năm 2020, công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ quản lý khác về cơ bản đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành theo chức năng và quyền hạn, đều thể hiện đúng theo định hướng chiến lược phát triển, nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ công ty.

- Nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT được Ban tổng giám đốc công ty tổ chức triển khai cụ thể đối với từng phòng ban trong Công ty, từng đơn vị, đồng thời tiến hành kiểm tra, giám sát chặt chẽ, do vậy mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện luôn được tháo gỡ và giải quyết kịp thời.

- Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Tổng	Ghi chú
.	Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT		243.838.436	243.838.436	
2	Đặng Quang Hiệu	KTT thành viên HĐQT		191.630.845	191.630.845	

Trang 31

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

3	Quát Văn Quang	Thành viên HĐQT		194.558.573	194.558.573	
4	Nguyễn Văn Long	Thành Viên HĐQT		174.798.709	174.798.709	
II	Ban Điều hành					
1	Nguyễn Văn Bút	Phó tổng giám đốc		179.772.727	179.772.727	
1	Nguyễn Cao Sơn	Phó tổng giám đốc		238.576.618	238.576.618	

- **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan: Không có**
- **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người liên quan:**

Đơn vị tính: Đồng

Số dư với các bên liên quan như sau:		Mối quan hệ	31/12/2020	Ghi chú
Phải thu ngắn hạn khách hàng			4.144.500.012	
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	4.144.500.012	
Phải thu về cho vay			5.100.000.000	
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	5.100.000.000	
Phải thu khác:			238.929.090	
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	238.929.090	
Phải trả người bán			8.198.638.860	
-	Công ty cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	8.198.638.860	

- **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến ngoại trừ kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được lập ngày 06/04/2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2018 và năm 2020, Công ty ghi nhận vào khoản mục "Thu nhập khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các khoản chi phí trích trước thí nghiệm liên quan đến thực hiện dự án thủy điện của một số nhà cung cấp với số tiền lần lượt là 4.261.156.496 VND và 1.199.430.847 VND. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty (xem thêm tại Thuyết minh số 24).

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty trích lập thừa dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 và Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 với số tiền lần lượt là 14.773.273.232 VND và 24.960.000 VND (tại thời điểm 01/01/2020 số dự phòng trích lập thừa lần lượt là 8.476.098.822 VND và 99.840.000 VND). Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" (Mã số 254), chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2020 cùng phản ánh thiếu số tiền là 14.798.233.232 VND; đồng thời chỉ tiêu "Chi phí tài chính" (Mã số 22) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và năm 2020 phản ánh thừa số tiền lần lượt là 8.575.938.822 VND và 6.222.294.410 VND.

Tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020, Công ty trích lập thiếu dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu số tiền lần lượt là 8.786.942.930 VND và 10.093.488.319 VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (Mã số 137), chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020 cùng phản ánh thừa số tiền lần lượt là 8.786.942.930 VND và 10.093.488.319 VND; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26) năm 2019 và 2020 phản ánh thiếu số tiền lần lượt là 8.786.942.930 VND và 1.306.545.389 VND.

Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với số tiền là 5.751.668.087 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản mục nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính kèm theo hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Công ty chưa tuân thủ quy định tại điều 164 Luật doanh nghiệp 2014 về tiêu chuẩn của kiểm soát viên đối với công ty cổ phần, theo quy định: kiểm soát viên của công ty cổ phần không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Tuy nhiên, ngày 01/08/2020, Công ty đã bổ nhiệm ông Nguyễn Cao Sơn - thành viên Ban Kiểm soát giữ chức Phó Tổng Giám đốc của Công ty.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0777-2018-002-1
Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3363-2020-002-1

4. Báo cáo Kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		158.296.775.473	184.281.819.715
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.988.514.766	2.972.674.240
111	1. Tiền		988.514.766	2.972.674.240
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.200.000.000	16.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.200.000.000	16.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		137.094.904.344	165.100.728.040
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	115.346.474.258	135.184.326.328
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.237.750.994	1.958.647.391
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	15.300.000.000	3.300.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	23.273.932.588	43.941.996.692
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.063.253.496)	(19.284.242.371)
140	IV. Hàng tồn kho		4.480.000	4.480.000
141	1. Hàng tồn kho		4.480.000	4.480.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.008.876.363	203.937.435
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.923.629.448	21.532.829
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	1.085.246.915	182.404.606
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		46.191.151.134	47.018.666.369
220	I. Tài sản cố định		224.694.917	224.694.917
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	224.694.917	224.694.917
222	- Nguyên giá		6.563.942.848	12.123.701.309
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.339.247.931)	(11.899.006.392)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.452.644.455	27.452.644.455
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41.746.413.455	41.746.413.455
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.408.758.778	14.408.758.778
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(28.702.527.778)	(28.702.527.778)
260	III. Tài sản dài hạn khác		18.513.811.762	19.341.326.997
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	18.513.811.762	19.341.326.997
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.487.926.607	231.300.486.084

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		82.600.832.411	107.934.975.115
310	I. Nợ ngắn hạn		79.410.851.411	104.744.994.115
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	31.652.380.816	37.498.417.876
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		242.624.123	231.877.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	6.056.460.051	6.240.498.409
314	4. Phải trả người lao động		1.037.198.573	1.323.295.355
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	29.339.780.805	31.888.012.762
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	11.082.407.043	11.559.409.913
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	-	16.003.482.000
330	II. Nợ dài hạn		3.189.981.000	3.189.981.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	3.189.981.000	3.189.981.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		121.887.094.196	123.365.510.969
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	121.887.094.196	123.365.510.969
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		106.000.000.000	106.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		106.000.000.000	106.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		13.064.931.325	13.064.931.325
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.822.162.871	4.300.579.644
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		4.300.579.644	2.631.657.035
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(1.478.416.773)	1.668.922.609
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.487.926.607	231.300.486.084

Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu

Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Sơn La, ngày 06 tháng 04 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	2.587.469.744	63.511.356.976
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.587.469.744	63.511.356.976
11	3. Giá vốn hàng bán	20	1.177.412.648	47.055.212.300
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.410.057.096	16.456.144.676
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	958.862.570	4.142.214.353
22	6. Chi phí tài chính	22	165.017.773	12.050.196.689
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		165.017.773	10.869.041
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.916.798.900	7.640.232.672
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.712.897.007)	907.929.668
31	9. Thu nhập khác	24	1.264.885.392	902.676.034
32	10. Chi phí khác	25	30.405.158	141.683.093
40	11. Lợi nhuận khác		1.234.480.234	760.992.941
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.478.416.773)	1.668.922.609
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.478.416.773)	1.668.922.609
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(139)	157

Hg

Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu

Đặng Quang Hiệu

Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Sơn La, ngày 06 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.478.416.773)	1.668.922.609
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(331.950.575)	(31.990.173.636)
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		748.337.642	615.473.330
03	- Các khoản dự phòng		(220.988.875)	(28.474.301.654)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.024.317.115)	(4.142.214.353)
06	- Chi phí lãi vay		165.017.773	10.869.041
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.810.367.348)	(30.321.251.027)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		36.431.901.041	59.940.804
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	29.224.124.712
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.242.530.704)	(37.886.041.822)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		79.177.593	628.591.815
14	- Tiền lãi vay đã trả		(165.017.773)	(211.198.893)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(88.130.000)	(739.560.912)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.205.032.809	(39.245.395.323)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		45.454.545	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.200.000.000)	(19.300.000.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	49.297.169.878
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.968.835.172	23.429.283
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.185.710.283)	30.020.599.161
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	18.900.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(16.003.482.000)	(6.832.776.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.003.482.000)	12.067.224.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.015.840.526	2.842.427.838
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.972.674.240	130.246.402
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>9.988.514.766</u>	<u>2.972.674.240</u>

Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu

Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Sơn La, ngày 06 tháng 04 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Sông Đà 7 thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là: Song Da 7 Joint Stocks Company, viết tắt là Song Da 7.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5400105091, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2019 (đăng ký lần đầu số 224.03.000081 ngày 29/12/2005) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty tại: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La. Hiện nay, Văn phòng Công ty được đặt tại: Số 36 - V5A, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 106.000.000.000 đồng; tương đương 10.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 18 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 23 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là thiết kế, xây dựng và tư vấn giám sát các công trình thủy điện và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, công trình Thủy điện Lai Châu, Thủy điện Nậm Thi 2 và các công trình khác (mà công ty là nhà thầu) không còn hoạt động sản xuất. Công ty tập trung quyết toán những hạng mục tồn đọng và thu hồi toàn bộ lượng vốn tại các công trình này. Hoạt động tạo doanh thu chủ yếu của Công ty là cho thuê văn phòng. Điều này dẫn đến Doanh thu và giá vốn năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019. Trong thời gian tới, Công ty sẽ chuyển hoạt động kinh doanh chính sang cho thuê văn phòng, máy móc, thiết bị. Hoạt động cho thuê văn phòng, máy móc, thiết bị cùng với nguồn lực về tài sản sẵn có, quan hệ khách hàng lâu năm sẽ giúp kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng trong thời gian tới.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Thành phố Hà Nội	Xây lắp công trình công nghiệp
Chi nhánh Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hà Nội hạch toán độc lập và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng hoặc tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng hoặc tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Công ty xác định dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo xét đoán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.10. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công, chi phí thí nghiệm và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

2.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm 2020 là cho thuê mặt bằng tại tầng 7 tại tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	22.438.578	99.931.941
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	966.076.188	2.872.742.299
Các khoản tương đương tiền ^①	9.000.000.000	-
	9.988.514.766	2.972.674.240

① Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có giá trị 9.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô với lãi suất từ 3,9% đến 4%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	8.200.000.000	-	16.000.000.000	-
	<u>8.200.000.000</u>	<u>-</u>	<u>16.000.000.000</u>	<u>-</u>

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 8.200.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô với lãi suất 5,1%/năm.

	Mã chứng khoản	31/12/2020		01/01/2020	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Đầu tư vào Công ty liên kết	S72	41.746.413.455	14.620.921.000	41.746.413.455	9.608.033.800
Công ty CP Sông Đà 7.02 ⁽ⁱ⁾		41.746.413.455	14.620.921.000	41.746.413.455	9.608.033.800
Các khoản đầu tư khác		14.408.758.778	1.173.120.000	14.408.758.778	1.073.280.000
Các khoản đầu tư khác do Công ty góp vốn		8.888.777.778	1.173.120.000	8.888.777.778	1.073.280.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾		5.051.000.000	-	5.051.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà ⁽ⁱⁱⁱ⁾		1.100.000.000	-	1.100.000.000	-
Công ty CP Sông Đà 7.04 ^(iv)	S74	2.737.777.778	1.173.120.000	2.737.777.778	1.073.280.000
Các khoản đầu tư khác được ủy thác đầu tư		5.519.981.000	-	5.519.981.000	-
Công ty CP Thủy điện Nậm He		3.370.000.000	-	3.370.000.000	-
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾		1.009.400.000	-	1.009.400.000	-
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7		1.140.581.000	-	1.140.581.000	-
		56.155.172.233	15.794.041.000	56.155.172.233	10.681.313.800
			(28.702.527.778)		(28.702.527.778)

⁽ⁱ⁾ Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7.02 (mã cổ phiếu S72) dựa trên giá đóng cửa trên sàn giao dịch UPCOM tại ngày 01/01/2020 và ngày 31/12/2020 (tuy nhiên cổ phiếu S72 đã lâu không phát sinh giao dịch). Công ty đang trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7.02 căn cứ vào giá trị ước tính có thể thu hồi được của khoản đầu tư.

⁽ⁱⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam dựa trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty này.

(iii) Tại ngày 31/12/2020, theo thông tin từ Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà, mã số thuế 5700646454 đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Đồng thời, Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty này tại ngày 31/12/2020, do đó Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư 100% đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà.

(iv) Tại ngày 31/12/2020, Công ty thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 căn cứ theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2020 trên sản giao dịch HNX đối với cổ phiếu của Công ty này là 4.400 VND/cổ phiếu. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo mức giá này.

Đối với các khoản đầu tư còn lại ngoài đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 và Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Tỉnh Lai Châu	4.177.406	34,81%	34,81%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Việt Nam	Thành phố Hà Nội	606.040	15,84%	19,00%	Sản xuất và kinh doanh sắt xộp phôi thép
Công ty CP Thủy điện Nậm He	Tỉnh Điện Biên	300.000	0,00%	2,31%	Thủy điện
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	Tỉnh Quảng Ninh	114.058	0,95%	4,18%	Thủy điện
Công ty CP Sông Đà 7.04	Tỉnh Sơn La	249.600	3,85%	3,85%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Tỉnh Lâm Đồng	110.000	0,00%	15,98%	Xây dựng

(*) Tỷ lệ lợi ích chỉ tính trên giá trị của khoản đầu tư do Công ty góp vốn.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	25.149.106.595	-	31.895.148.626	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Sơn La	9.407.438.502	-	7.809.268.832	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Nậm Chiến	64.465.535.880	-	67.063.705.550	-
Ban Quản lý dự án thủy điện 1	1.586.565.351	-	3.086.565.351	-
Tổng Công ty Licogi - CTCP	5.495.665.990	-	10.995.666.020	-
Các đối tượng khác	9.242.161.940	(1.352.587.186)	14.333.971.949	(2.952.587.186)
	115.346.474.258	(1.352.587.186)	135.184.326.328	(2.952.587.186)
b) Trong đó: Phải thu hàng là các bên liên quan	4.144.500.012	-	4.150.236.012	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp số dư lớn				
- Công ty CP Sông Đà 6	213.180.000	-	213.180.000	-
- Các đối tượng khác	2.024.570.994	(1.392.145.500)	1.745.467.391	(942.145.500)
	2.237.750.994	(1.392.145.500)	1.958.647.391	(942.145.500)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 ⁽ⁱ⁾	5.100.000.000	-	3.300.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Sông Đà Miền Bắc ⁽ⁱⁱ⁾	10.200.000.000	-	-	-
	15.300.000.000	-	3.300.000.000	-
Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan	5.100.000.000	-	3.300.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 theo hợp đồng số: 01/2019/HĐVV/SĐ 7.02-SĐ 7 ngày 20/12/2019 với mục đích hỗ trợ Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất 10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 5.100.000.000 VND. Hiện nay 2 bên chưa ký phụ lục gia hạn hợp đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ/CT-HĐQT ngày 28/10/2020 của Công ty, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án cho Công ty TNHH Thương mại Sông Đà Miền Bắc vay vốn lưu động, thông tin cụ thể theo hợp đồng số: 01/2020/HĐVV/MB-SĐ 7 ngày 30/10/2020 như sau:

- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh.
- Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày cho vay;
- Lãi suất 7,5%/năm.
- Số dư cho vay tại ngày 31/12/2020 là 10.200.000.000 VND.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu công nợ tạm ứng	6.192.011.540	(33.000.000)	7.641.022.665	-
Phải thu khác	17.075.921.048	(16.285.520.810)	36.294.974.027	(15.389.509.685)
- Tiền tạm ứng các đối tượng đã nghỉ việc	10.430.289.145	(10.377.052.127)	9.527.378.020	(9.464.303.579)
- Bà Trần Thị Tuyết - Tiền chuyển nhượng cổ phần ⁽ⁱ⁾	1.025.000.000	(1.025.000.000)	1.025.000.000	(1.025.000.000)
- Công ty CP Sông Đà 7.05 - Tiền ứng vốn SXKD ⁽ⁱⁱ⁾	4.751.036.818	(4.751.036.818)	4.751.036.818	(4.751.036.818)
- Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.009.972.602	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	-	-	19.040.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	869.595.085	(132.431.865)	941.586.587	(149.169.288)
	23.273.932.588	(16.318.520.810)	43.941.996.692	(15.389.509.685)
Trong đó: Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	238.929.090	-	19.278.929.090	-

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)

(i) Khoản phải thu Bà Trần Thị Tuyết về chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 06/2010/HĐCNCP từ năm 2010.

(ii) Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Sông Đà 7.05 vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến thời điểm 31/12/2020 Công ty không tính lãi khoản vay này.

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	8.434.818.527	7.082.231.341	17.523.867.793	15.074.889.524
Trả trước cho người bán	1.392.145.500	-	1.957.147.391	1.015.001.891
Phải thu khác	16.319.020.810	500.000	16.125.810.421	232.691.819
- Công ty CP Sông Đà 7.05	4.751.036.818	-	4.751.036.818	-
- Bà Trần Thị Tuyết	1.025.000.000	-	1.025.000.000	-
- Các đối tượng đã nghỉ việc	10.377.552.127	500.000	9.527.378.020	63.074.441
- Các đối tượng khác	165.431.865	-	822.395.583	169.617.378
	26.145.984.837	7.082.731.341	35.606.825.605	16.322.583.234

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.638.137.904	2.152.464.165	333.099.240	12.123.701.309
- Thanh lý, nhượng bán	(3.347.561.671)	(1.879.097.550)	(333.099.240)	(5.559.758.461)
Số dư cuối năm	6.290.576.233	273.366.615	-	6.563.942.848
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	9.413.442.987	2.152.464.165	333.099.240	11.899.006.392
- Thanh lý, nhượng bán	(3.347.561.671)	(1.879.097.550)	(333.099.240)	(5.559.758.461)
Số dư cuối năm	6.065.881.316	273.366.615	-	6.339.247.931
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	224.694.917	-	-	224.694.917
Tại ngày cuối năm	224.694.917	-	-	224.694.917

- Giá trị còn lại cuối năm tài chính của các TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 224.694.917 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.143.862.850 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí sửa chữa, nâng cấp văn phòng	-	79.177.593
Tiền thuê dài hạn văn phòng làm việc ⁽¹⁾	18.513.811.762	19.262.149.404
	18.513.811.762	19.341.326.997

⁽¹⁾ Chi phí thuê dài hạn trả tiền một lần đối với phần diện tích tầng 7 tòa nhà Tổng Công ty Sông Đà tại Lô HH 4 Mễ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho thời gian sử dụng còn lại là 40 năm từ thời điểm nhận bàn giao sử dụng (quý 3 năm 2011).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	8.198.638.860	8.198.638.860	13.739.628.299	13.739.628.299
- Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364
- Các đối tượng khác	21.160.876.592	21.160.876.592	21.465.924.213	21.465.924.213
	31.652.380.816	31.652.380.816	37.498.417.876	37.498.417.876
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364
- Doanh nghiệp tư nhân Hoành Sơn	1.300.916.698	1.300.916.698	1.300.916.698	1.300.916.698
- Phải trả cho các đối tượng khác	6.141.158.326	6.141.158.326	2.748.802.415	2.748.802.415
	9.734.940.388	9.734.940.388	6.342.584.477	6.342.584.477
	8.198.638.860	8.198.638.860	13.739.628.299	13.739.628.299

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

Công ty Cổ phần Sông Đà 7
Địa chỉ: Thị trấn It Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	182.404.606	-	(376.952.855)	523.889.454	1.085.246.915	2.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.367.998	-	-	-	14.367.998
Thuế thu nhập cá nhân	-	301.040.541	27.101.490	5.139.848	-	323.002.183
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.925.089.870	-	208.000.000	-	5.717.089.870
	182.404.606	6.240.498.409	(349.851.365)	737.029.302	1.085.246.915	6.056.460.051

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.948.032.009	3.948.032.009
Trích trước chi phí thi công	25.331.748.796	27.879.980.753
- Chi phí thi công công trình Thủy điện Lai Châu	2.578.145.154	3.926.946.264
- Chi phí thi công công trình Thủy điện Nậm Chiến	14.010.353.022	14.010.353.022
- Chi phí thi công công trình Thủy điện Bàn Chát	3.970.382.039	3.970.382.039
- Chi phí thi công các công trình khác	4.772.868.581	5.972.299.428
Chi phí phải trả khác	60.000.000	60.000.000
	29.339.780.805	31.888.012.762

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.322.141.412	1.361.927.828
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	699.844.200	688.974.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.060.421.431	9.508.508.085
- Cổ tức phải trả	193.382.640	193.335.520
- Tiền cổ tức nhận ủy thác đầu tư	657.848.660	658.978.660
- Phải trả Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.030.951.682	1.030.951.682
- Tiền thưởng phải trả	849.000.000	849.000.000
- Phải trả tiền ủy thác mua cổ phần của CBCNV	2.330.000.000	2.330.000.000
- Phải trả khác	3.999.238.449	4.446.242.223
	11.082.407.043	11.559.409.913
b) Dài hạn		
Phải trả Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tiền ủy thác mua cổ phần	1.040.000.000	1.040.000.000
Phải trả CBCNV tiền ủy thác mua cổ phần	2.149.981.000	2.149.981.000
	3.189.981.000	3.189.981.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cổ tức phải trả	193.382.640	193.335.520
Tiền cổ tức nhận ủy thác đầu tư	657.848.660	658.978.660
Phải trả Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.030.951.682	1.030.951.682
Tiền thưởng phải trả	849.000.000	849.000.000
Phải trả các đối tượng khác	123.530.712	123.530.712
	2.854.713.694	2.855.796.574

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	106.000.000.000	13.064.931.325	2.631.657.035	121.696.588.360
Lãi trong năm trước	-	-	1.668.922.609	1.668.922.609
Số dư cuối năm trước	106.000.000.000	13.064.931.325	4.300.579.644	123.365.510.969
Số dư đầu năm nay	106.000.000.000	13.064.931.325	4.300.579.644	123.365.510.969
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.478.416.773)	(1.478.416.773)
Số dư cuối năm nay	106.000.000.000	13.064.931.325	2.822.162.871	121.887.094.196

b) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn	90.653.941.746	90.653.941.746
	90.973.941.746	90.653.941.746

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	60.940.560.076
Doanh thu hoạt động khác	2.587.469.744	2.570.796.900
	2.587.469.744	63.511.356.976
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	-	25.060.752.314

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	(417.095.582)	45.205.208.689
Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh khác	1.594.508.230	1.850.003.611
	1.177.412.648	47.055.212.300
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	-	7.849.389.337
+ Phần đã ghi nhận vào giá vốn	-	7.849.389.337
+ Còn tồn kho	-	-
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)		

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	958.862.570	1.033.401.885
Lãi bán khoản đầu tư	-	3.108.812.468
	958.862.570	4.142.214.353

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	165.017.773	10.869.041
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	12.019.527.648
Chi phí tài chính khác	-	19.800.000
	165.017.773	12.050.196.689

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.478.416.773)	1.668.922.609
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.478.416.773)	1.668.922.609
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.600.000	10.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(139)	157

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.409.835	3.882.469.569
Chi phí nhân công	3.786.087.866	4.494.406.872
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	115.271.192	329.563.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	16.650.029
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(220.988.875)	803.340.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.818.570.020	14.560.714.660
Chi phí khác bằng tiền	392.861.510	1.381.175.414
	6.094.211.548	25.471.320.260

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.988.514.766	-	2.972.674.240	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	138.620.406.846	(17.671.107.996)	179.126.323.020	(18.342.096.871)
Các khoản cho vay	23.500.000.000	-	19.300.000.000	-
Cộng	172.108.921.612	(17.671.107.996)	201.398.997.260	(18.342.096.871)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			-	16.003.482.000
Phải trả người bán, phải trả khác			45.924.768.859	52.247.808.789
Chi phí phải trả			29.339.780.805	31.888.012.762
Cộng			75.264.549.664	100.139.303.551

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động

động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.988.514.766	-	9.988.514.766
Phải thu khách hàng, phải thu khác	120.949.298.850	-	120.949.298.850
Các khoản cho vay	23.500.000.000	-	23.500.000.000
Cộng	154.437.813.616	-	154.437.813.616
Tại ngày 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.972.674.240	-	2.972.674.240
Phải thu khách hàng, phải thu khác	160.784.226.149	-	160.784.226.149
Các khoản cho vay	19.300.000.000	-	19.300.000.000
Cộng	183.056.900.389	-	183.056.900.389

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	42.734.787.859	3.189.981.000	45.924.768.859
Chi phí phải trả	29.339.780.805	-	29.339.780.805
Cộng	72.074.568.664	3.189.981.000	75.264.549.664
Tại ngày 01/01/2020			
Vay và nợ	16.003.482.000	-	16.003.482.000
Phải trả người bán, phải trả khác	49.057.827.789	3.189.981.000	52.247.808.789
Chi phí phải trả	31.888.012.762	-	31.888.012.762
Cộng	96.949.322.551	3.189.981.000	100.139.303.551

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng số 11/2016/SĐ7-XMMB/ĐHCNVG ngày 02/08/2016 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 7 và Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc về việc chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn do Công ty Cổ phần Sông Đà 7 sở hữu với số tiền là 49.250.000.000 VND tương ứng với 98,5% vốn điều lệ; giá bán là 20.601.592.039 VND.

Theo phụ lục hợp đồng số 02/2016/PLHĐ/SĐ7-XMMB ngày 02/08/2016, Công ty CP Sông Đà 7 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc số tiền chênh lệch 1.597.129.556 VND giữa khoản nợ phải trả của Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn tại thời điểm chuyển nhượng là 10.995.537.517 VND và phần được Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc chấp nhận thanh toán là 9.398.407.961 VND.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, chưa có Biên bản làm việc giữa các bên có liên quan về nghĩa vụ thanh toán khoản công nợ này. Do đó Công ty chưa ghi nhận khoản phải trả này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Mua vật tư và dịch vụ		-	7.849.389.337
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	-	7.849.389.337
Doanh thu xây lắp		-	25.060.752.314
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	-	25.060.752.314

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu khách hàng		4.144.500.012	4.150.236.012
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	4.144.500.012	4.150.236.012
Phải thu về cho vay		5.100.000.000	3.300.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	5.100.000.000	3.300.000.000
Phải thu khác		238.929.090	19.278.929.090
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	238.929.090	238.929.090
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	Cổ đông lớn	-	19.040.000.000
Phải trả người bán		8.198.638.860	13.739.628.299
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	8.198.638.860	13.739.628.299

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao của các thành viên HĐQT, lương của ban Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty như sau:

		Năm 2019	
		Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch, Tổng Giám đốc	243.838.436	311.870.691
Ông Trần Văn Tài	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Quát Văn Quang	Thành viên HĐQT	194.558.573	236.988.109
Ông Đặng Quang Hiệu	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	191.630.845	232.178.355
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên HĐQT	174.798.709	221.354.582
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Tổng Giám đốc	238.576.618	213.057.900
Ông Nguyễn Văn Bút	Phó Tổng Giám đốc	179.772.727	191.157.364

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 do chưa ghi nhận khoản phải thu Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Nậm Chiến mà đang ghi nhận vào giá vốn hàng bán các năm trước. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2020 được điều chỉnh cụ thể như sau:

Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	
Bảng Cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	133.586.156.658	135.184.326.328	1.598.169.670
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.702.409.974	4.300.579.644	1.598.169.670

Hg

Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu

Đ. Q. H.

Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Sơn La, ngày 06 tháng 04 năm 2021

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2021
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7



Trang 65

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn